

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Cường	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

561789
CÔNG
TÍNH
TOÁN &
I VIỆT
CHI NH.
HÀ N
GIẤY -

Số: 78/2024/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
của Công ty Cổ phần Nam Dược

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 280323.028/BCTC.KT1 phát hành ngày 28/03/2023.



Nguyễn Thành Lâm

Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Hoàng Anh Tú

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2023-026-1

2
H
I
★

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.743.631.764	209.717.894.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	91.434.387.021	136.662.013.039
1. Tiền	111		20.322.263.730	32.662.013.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.112.123.291	104.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	45.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.727.222.026	25.206.507.652
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	25.276.915.994	15.113.630.425
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.307.240.816	7.003.347.516
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	335.000.000	150.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	3.808.065.216	2.939.529.711
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	38.635.790.281	44.422.274.087
1. Hàng tồn kho	141		38.635.790.281	44.422.274.087
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		946.232.436	3.427.099.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	946.232.436	2.378.186.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	-	1.048.912.508
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		358.938.986.538	312.278.209.575
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	231.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	-	231.000.000
II. Tài sản cố định	220		267.053.468.034	228.235.989.687
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	42.119.071.495	45.491.218.393
Nguyên giá	222		68.663.927.675	66.512.000.311
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.544.856.180)	(21.020.781.918)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	224.934.396.539	182.744.771.294
Nguyên giá	228		226.293.096.207	183.608.618.707
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.358.699.668)	(863.847.413)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.487.238.709	487.278.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	8.487.238.709	487.278.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.12	80.255.000.000	80.255.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		255.000.000	255.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.143.279.795	3.068.941.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	3.143.279.795	3.068.941.888
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		574.682.618.302	521.996.103.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		157.522.244.526	172.613.510.012
I. Nợ ngắn hạn	310		157.522.244.526	172.613.510.012
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	59.706.860.132	60.801.599.034
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	802.470.200	9.143.326.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	18.005.585.091	22.282.018.204
4. Phải trả người lao động	314		53.595.305.175	65.314.895.335
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	20.070.100.168	13.002.144.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	4.235.275.324	962.877.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.106.648.436	1.106.648.436
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	417.160.373.776	349.382.593.752
I. Vốn chủ sở hữu	410		417.160.373.776	349.382.593.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.640.000.000	59.640.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.640.000.000	59.640.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		357.520.373.776	289.742.593.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		261.757.222.932	172.776.606.478
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		95.763.150.844	116.965.987.274
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		574.682.618.302	521.996.103.764



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cảnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	773.884.652.843	837.601.780.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	60.529.656.272	65.748.262.352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		713.354.996.571	771.853.518.028
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	349.917.473.460	364.396.536.884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		363.437.523.111	407.456.981.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	38.124.419.065	32.112.113.218
7. Chi phí tài chính	22		38.058.215	22.047.355
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	232.409.743.028	246.847.898.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	57.797.415.731	53.939.370.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.316.725.202	138.759.777.592
11. Thu nhập khác	31		181.818	7.315.053
12. Chi phí khác	32		68.027.175	6.005.258
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(67.845.357)	1.309.795
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.248.879.845	138.761.087.387
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	15.485.729.001	21.795.100.113
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		95.763.150.844	116.965.987.274



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cảnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.7	111.248.879.845	138.761.087.387
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	6.018.926.517	5.285.035.599
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	5.4	(38.124.419.065)	(32.112.113.218)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.143.387.297	111.934.009.768
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(11.163.502.486)	(2.993.623.685)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		5.786.483.806	(22.240.945.396)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(18.385.244.596)	46.712.960.202
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		1.357.616.560	(3.442.325.367)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(21.753.418.529)	(2.017.457.862)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.355.000.000)	(6.442.013.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.630.322.052	121.510.604.167
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(55.010.754.046)	(44.840.970.049)
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(45.185.000.000)	(150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		-	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.143.205.976	31.720.392.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.052.548.070)	(49.270.577.379)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.805.400.000)	(11.782.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.805.400.000)	(11.782.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(45.227.626.018)	60.458.026.788
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	136.662.013.039	76.203.986.251
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	91.434.387.021	136.662.013.039



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cảnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003831 ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 12 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 30/3/2023.

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nam Dược vào giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán NDC, ngày giao dịch chính thức là 11/3/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.640.000.000 VND, tương đương 5.964.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 455 người (tại ngày 01/01/2023 là 427 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (i)	Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%	100%

(i) Công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoàn thành xây dựng và chưa đi vào sản xuất.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các chi nhánh phụ thuộc gồm:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng trụ sở	Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Trung	Đà Nẵng	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh Bắc miền Trung	Nghệ An	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh dược phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ và dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản, showroom;
- Chi phí phần mềm và bảo trì phần mềm;
- Chi phí thuê nhà và chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn sử dụng.

1789-0
ÔNG T
TNHH
OÁN & T
VIỆT N
HI NHÃN
HÀ NỘI
ĐIẢY - T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	06

3.9 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất của Công ty.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.10 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi xuất hóa đơn và có biên bản bàn giao hàng hóa cho đơn vị vận chuyển nhận hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh khoản giảm trừ.

3.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

23617
CÔNG
TY
NAM
DƯỢC
M VI
-CHÍNH
HÀ
CÁI GIẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, bao gồm các chi phí lương nhân viên, khấu hao TSCĐ, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2023, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các thành phẩm do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- | | |
|-----------------------|-----|
| ▪ Thuốc chữa bệnh | 5% |
| ▪ Thực phẩm chức năng | 10% |

Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24/6/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Cụ thể, hàng hoá được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% gồm thực phẩm chức năng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

39-001
GTY
HH
& TƯ V
BT NA
HÀNH
NỘI
-T.P.P

JIC
C
C
A
IG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	27.266.425	67.649.090
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.294.997.305	32.594.363.949
Các khoản tương đương tiền (i)	71.112.123.291	104.000.000.000
Cộng	91.434.387.021	136.662.013.039

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 2,7%/năm đến 3,75%/năm.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 3,7%/năm đến 4,4%/năm.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ các bên liên quan	-	50.787.000
Công ty TNHH Nam Dược	-	50.787.000
Phải thu bên thứ ba	25.276.915.994	15.062.843.425
Công ty Cổ phần DT Food	1.319.235.233	516.930.390
Các đối tượng khác	23.957.680.761	14.545.913.035
Cộng	25.276.915.994	15.113.630.425

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên thứ ba	10.307.240.816	7.003.347.516
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đức Huy	4.704.323.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Công Trình Viettel	2.856.789.412	-
Công ty Cổ phần Renai Việt Nam	980.594.090	-
Công ty TNHH DT Food	-	3.558.978.688
Công ty TNHH Việt Thái	-	1.258.888.000
Công ty TNHH Nhà Tương Lai	-	807.498.000
Các đối tượng khác	1.765.533.914	1.377.982.828
Cộng	10.307.240.816	7.003.347.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ bên liên quan	335.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (i)	335.000.000	150.000.000
Cộng	335.000.000	150.000.000

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản cho vay Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam có kỳ hạn 06 tháng và 09 tháng với lãi suất 3,7%/năm với điều khoản tự động gia hạn thời hạn cho vay.

4.6 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải thu bên liên quan	7.028.985	1.216.438
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam - lãi cho vay	7.028.985	1.216.438
Phải thu bên thứ ba	3.801.036.231	2.938.313.273
Ký cược, ký quỹ	475.250.000	310.250.000
Dự thu lãi tiền gửi	467.563.774	486.350.685
Tạm ứng	2.074.012.834	1.524.253.267
Phải thu khác	784.209.623	617.459.321
Cộng	3.808.065.216	2.939.529.711
Dài hạn		
Phải thu bên thứ ba	-	231.000.000
Ký cược, ký quỹ	-	231.000.000
Cộng	-	231.000.000

4.7 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.822.801.988	1.782.923.147
Công cụ, dụng cụ	520.713.297	658.150.182
Hàng hóa	36.292.274.996	41.981.200.758
Cộng	38.635.790.281	44.422.274.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.8 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà	216.666.668	1.272.222.222
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.323.979	156.424.124
Chi phí phần mềm và bảo trì phần mềm	192.457.305	241.170.402
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	531.784.484	708.370.155
Cộng	946.232.436	2.378.186.903
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	921.640.454	750.657.024
Chi phí sửa chữa văn phòng, showroom	1.825.664.497	1.571.747.798
Chi phí trả trước dài hạn khác	395.974.844	746.537.066
Cộng	3.143.279.795	3.068.941.888

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.000.000.000	487.278.000
Giá trị quyền sử dụng đất tại khu tái định cư Phú An, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	6.000.000.000	-
Phần mềm quản lý bán lẻ 3S POS	-	487.278.000
Xây dựng cơ bản dở dang	2.487.238.709	-
Chi phí thi công, thiết kế xây dựng văn phòng, kho tại các chi nhánh	2.487.238.709	-
Cộng	8.487.238.709	487.278.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	42.659.189.892	6.671.801.714	15.016.052.818	1.664.955.887	500.000.000	66.512.000.311
Mua sắm	1.754.609.091	344.591.000	-	52.727.273	-	2.151.927.364
Tại ngày 31/12/2023	44.413.798.983	7.016.392.714	15.016.052.818	1.717.683.160	500.000.000	68.663.927.675
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	6.024.081.365	3.924.011.283	9.687.744.881	1.065.499.943	319.444.446	21.020.781.918
Khấu hao	2.694.221.370	1.076.749.997	1.436.435.782	233.333.780	83.333.333	5.524.074.262
Tại ngày 31/12/2023	8.718.302.735	5.000.761.280	11.124.180.663	1.298.833.723	402.777.779	26.544.856.180
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	36.635.108.527	2.747.790.431	5.328.307.937	599.455.944	180.555.554	45.491.218.393
Tại ngày 31/12/2023	35.695.496.248	2.015.631.434	3.891.872.155	418.849.437	97.222.221	42.119.071.495

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là : 9.091.185.760 VND. (tại ngày 01/01/2023 là 6.446.804.097 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.11 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	180.831.427.087	2.777.191.620	183.608.618.707
Mua sắm	42.053.677.500	630.800.000	42.684.477.500
Tại ngày 31/12/2023	222.885.104.587	3.407.991.620	226.293.096.207
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	-	863.847.413	863.847.413
Khấu hao	-	494.852.255	494.852.255
Tại ngày 31/12/2023	-	1.358.699.668	1.358.699.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	180.831.427.087	1.913.344.207	182.744.771.294
Tại ngày 31/12/2023	222.885.104.587	2.049.291.952	224.934.396.539

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 777.572.600 VND (tại ngày 01/01/2023 là 652.857.500 VND).

(i) Bao gồm 10 quyền sử dụng đất thời gian sử dụng lâu dài tại trụ sở chính, các chi nhánh và kho hàng của Công ty. Các quyền sử dụng đất này không thời hạn nên không trích khấu hao theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)****4.12 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	80.000.000.000		-	80.000.000.000		-
Công ty TNHH Nam Dược (i)	30.000.000.000	Không xác định	-	30.000.000.000	Không xác định	-
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (ii)	50.000.000.000	Không xác định	-	50.000.000.000	Không xác định	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	255.000.000		-	255.000.000		-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	Không xác định	-	255.000.000	Không xác định	-
Cộng	80.255.000.000		-	80.255.000.000		-

Đầu tư vào công ty con

(i) Tại ngày 31/12/2023, căn cứ theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Nam Dược, Công ty này có lợi nhuận sau thuế lũy kế tại ngày 31/12/2023 khoảng 98,5 tỷ VND (sau khi chi trả lợi nhuận về cho Công ty mẹ hàng năm). Do vậy, không có bất cứ khoản dự phòng đầu tư cần trích lập tại công ty con này.

(ii) Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoàn thành xây dựng và chưa đi vào sản xuất. Công ty chưa phát sinh các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Do vậy, không có bất cứ khoản dự phòng đầu tư cần trích lập tại Công ty con này.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan	40.615.035.472	43.648.472.984
Công ty TNHH Nam Dược	40.615.035.472	43.648.472.984
Phải trả người bán bên thứ ba	19.091.824.660	17.153.126.050
Công ty cổ phần BIBICA	5.624.142.951	3.470.442.988
Công ty TNHH ADC	2.857.521.089	4.955.418.899
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	2.043.104.856	2.085.961.814
Các đối tượng khác	8.567.055.764	6.641.302.349
Cộng	59.706.860.132	60.801.599.034

4.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bên liên quan trả tiền trước	601.112.682	1.100.935.881
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	601.112.682	1.100.935.881
Bên thứ ba trả tiền trước	201.357.518	8.042.391.105
Nhà Thuốc Nhân Sinh	-	569.054.235
Đối tượng khác	201.357.518	7.473.336.870
Cộng	802.470.200	9.143.326.986

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**4.15 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong năm		Tại ngày 31/12/2023	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	1.048.912.508		40.413.358.657	41.462.271.165	-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	67.827.729.888	70.014.576.003	-	2.186.846.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.256.122.368	21.753.418.529	15.485.729.001	-	14.988.432.840
Thuế thu nhập cá nhân	-	408.618.304	17.375.786.867	17.215.486.617	-	248.318.054
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	14.262.521	14.262.521	-	-
Các loại thuế khác	-	612.371.321	2.986.594.790	2.954.800.014	-	580.576.545
Các khoản phí, lệ phí	-	4.906.211	19.216.050	15.721.376	-	1.411.537
Cộng	-	22.282.018.204	109.977.008.645	105.700.575.532	-	18.005.585.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	19.380.918.449	11.750.232.481
Chi phí phải trả khác	689.181.719	1.251.911.886
Cộng	20.070.100.168	13.002.144.367

4.17 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan	2.022.371.350	924.660.000
Công ty TNHH Nam Dược - Quỹ phúc lợi	993.111.350	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.029.260.000	924.660.000
Phải trả bên thứ ba	2.212.903.974	38.217.650
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Phúc lợi phải trả công nhân viên	2.189.574.060	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.155.741	37.043.477
Cộng	4.235.275.324	962.877.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của	LNST	Cộng
	chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	59.640.000.000	190.990.752.946	250.630.752.946
Lãi trong năm	-	116.965.987.274	116.965.987.274
Tăng khác	-	609.628.360	609.628.360
Phân chia lợi nhuận	-	(18.743.530.740)	(18.743.530.740)
Giảm khác	-	(80.244.088)	(80.244.088)
Tại ngày 31/12/2022	59.640.000.000	289.742.593.752	349.382.593.752
Tại ngày 01/01/2023	59.640.000.000	289.742.593.752	349.382.593.752
Lãi trong năm	-	95.763.150.844	95.763.150.844
Phân chia lợi nhuận (i)	-	(13.075.370.820)	(13.075.370.820)
Trả cổ tức (i)	-	(14.910.000.000)	(14.910.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	59.640.000.000	357.520.373.776	417.160.373.776

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Nội dung	Số tiền VND
Trích quỹ phúc lợi (5% từ lợi nhuận sau thuế)	6.537.685.410
Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (5% từ lợi nhuận sau thuế)	6.537.685.410
Chia cổ tức (25% vốn điều lệ)	14.910.000.000

4.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	23,77
Ông Nguyễn Văn Giang	3.592.000.000	6,02	3.572.000.000	5,99
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	10.468.200.000	17,55	10.468.200.000	17,55
Các cổ đông khác	31.405.300.000	52,66	31.425.300.000	52,69
Cộng	59.640.000.000	100	59.640.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.18.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.964.000	5.964.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.964.000	5.964.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

5.1 Doanh thu bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	773.884.652.843	837.601.780.380
Cộng	773.884.652.843	837.601.780.380

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	60.473.519.743	65.678.662.167
Hàng bán bị trả lại	56.136.529	69.600.185
Cộng	60.529.656.272	65.748.262.352

5.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	349.917.473.460	364.396.536.884
Cộng	349.917.473.460	364.396.536.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.124.419.065	2.112.113.218
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	35.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	38.124.419.065	32.112.113.218

(i) Khoản lợi nhuận được nhận từ Công ty TNHH Nam Dược theo quyết định số 179/2023/QĐ-ND ngày 08/6/2023 của Tổng Giám đốc Công ty về việc chuyển lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Công ty TNHH Nam Dược.

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	124.210.473.535	143.773.044.698
Chi phí nguyên vật liệu	2.503.860.520	2.872.522.259
Chi phí khấu hao tài sản	760.462.010	518.412.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.195.385.489	43.933.623.472
Chi phí khác bằng tiền	68.739.561.474	55.750.295.864
Cộng	232.409.743.028	246.847.898.861

(i) Trong đó lần lượt bao gồm 28.048.642.480 VND là chi phí vận chuyển và 30.733.302.349 VND là chi phí quảng cáo.

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	41.134.337.803	39.353.013.855
Chi phí vật liệu văn phòng	1.279.966.049	1.237.733.796
Chi phí khấu hao tài sản	5.258.464.507	4.766.623.031
Thuế và các khoản lệ phí	252.898.320	131.938.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.387.565.046	6.402.840.501
Chi phí khác bằng tiền	2.484.184.006	2.047.220.973
Cộng	57.797.415.731	53.939.370.554

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	111.248.879.845	138.761.087.387
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	(33.820.234.838)	(29.993.994.742)
Chi phí không được trừ	1.179.765.162	6.005.258
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	(35.000.000.000)	(30.000.000.000)
Lợi nhuận sau điều chỉnh	77.428.645.007	108.767.092.645*
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	77.428.645.007	108.767.092.645
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	15.485.729.001	21.753.418.529
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	41.681.584
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	15.485.729.001	21.795.100.113
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	80.244.088
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	21.256.122.368	1.398.236.029
Thuế TNDN đã trả trong năm	(21.753.418.529)	(2.017.457.862)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	14.988.432.840	21.256.122.368

(i) Chi tiết xem tại Thuyết minh 5.4 "Doanh thu hoạt động tài chính".

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	165.344.811.338	183.126.058.553
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.783.826.569	4.110.256.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.018.926.517	5.285.035.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.582.950.535	50.336.463.973
Chi phí khác bằng tiền	71.223.745.480	57.929.455.235
Cộng	290.207.158.759	300.787.269.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 01 năm trở xuống	870.000.000	765.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.640.000.000	8.227.150.000
Cộng	3.510.000.000	8.992.150.000

Thông tin chi tiết của khoản thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng	Ngày	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn thuê	Tiền thuê (VND/m ² /tháng)
Hợp đồng thuê nhà và quyền sử dụng đất	10/1/2022	Nguyễn Mạnh Tiến	Số 261L Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hà Nội	75,10	05 năm từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/09/2027	Năm 1: 65.000.000 Năm 2: 70.000.000 Năm 3: 80.000.000 Năm 4: 80.000.000 Năm 5: 80.000.000

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn nắm giữ 23,77% cổ phần
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Vợ ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Cổ đông lớn nắm giữ 17,55% cổ phần
Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Bà Dương Thị Sáu là Tổng Giám đốc Công ty này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	2.746.513.328	9.797.659.540
<i>Bán hàng hóa</i>	2.746.513.328	9.797.659.540
Cộng	2.746.513.328	9.797.659.540

Mua hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty TNHH Nam Dược	141.572.901.790	171.309.962.360
<i>Mua hàng hóa</i>	141.629.349.790	171.309.962.360
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(56.448.000)	-
Cộng	141.572.901.790	171.309.962.360

Cho vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam		
<i>Cho vay</i>	185.000.000	150.000.000
<i>Lãi cho vay</i>	5.812.547	1.216.438

Giao dịch khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty TNHH Nam Dược		
<i>Cổ tức được chia</i>	35.000.000.000	30.000.000.000
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	2.063.111.350	-

Trả cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông lớn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.005.797.760	524.271.600
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.265.797.760	524.271.600
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên Hội đồng Quản trị	4.685.819.407	4.317.439.931
	Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Sản	Thành viên Hội đồng Quản trị	3.947.471.274	4.099.767.052
	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Dương Thị Lan	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.265.797.760	524.271.600
Ông Khuất Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	2.770.518.985	2.652.746.851
Cộng		14.941.202.946	12.642.768.634

Thu nhập của Ban Kiểm soát

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	762.898.870	262.135.790
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên	592.898.870	262.135.790
Ông Hoàng Minh Cường	Ủy viên	600.398.870	262.135.790
Cộng		1.956.196.610	786.407.370

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4.3 “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”;
- Thuyết minh 4.5 “Phải thu về cho vay ngắn hạn”;
- Thuyết minh 4.6 “Phải thu khác”;
- Thuyết minh 4.12 “Đầu tư tài chính dài hạn”;
- Thuyết minh 4.13 “Phải trả người bán ngắn hạn”;
- Thuyết minh 4.14 “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”;
- Thuyết minh 4.17 “ Phải trả ngắn hạn khác”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cảnh
Người lập



SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU

KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353
E: marketing.hn@rsm.com.vn

Văn phòng Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, Số 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: 028 3827 5026
E: contact_hcm@rsm.com.vn

Văn phòng Miền Trung
Tòa Nhà Đại Thắng, 264 Xô Viết Nghệ Tĩnh,
Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

T: 023 6730 0020
E: contact_dn@rsm.com.vn

